



đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ tư; chung sống như vợ chồng với ông Hồ Văn K và có 02 con sinh năm 1996 và sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

**2. Hồ Văn K** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1955 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tp. Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hồ C (s) và bà Nguyễn Thị S (s), sống chung như vợ chồng với bà Huỳnh Thị Đ và có 02 con sinh năm 1996 và sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Trần Phước L:* Ông **Trần Thiên T** - Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Thiên T thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị Đ:* Ông **Nguyễn N C** - Luật sư, Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn K:* Ông **Võ Văn Đ** - Luật sư Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

\* *Bị hại:* Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Đức T** – Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng. Ông T ủy quyền cho ông **Nguyễn Hồng A** – Phó Giám đốc Sở TNMT thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng. Có mặt.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Từ D**, sinh năm: 1964 và bà **Võ Thị Hồng A**, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Thành H**, sinh năm: 1976 và bà **Phạm Thị L** - Sinh năm: 1975. Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1964 và ông **Phạm L**, sinh năm 1965 (chết); Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Bà N có mặt.

- Ông **Phạm Nguyễn L**, sinh năm: 1988 và ông **Phạm Phú T**, sinh năm: 1996. Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Ông L và ông T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N tham gia tố tụng.

- Ông **Biện Văn N**, sinh năm 1968; Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà **Văn Thị V**, sinh năm 1965; Nơi cư trú thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông **Trần Vũ T**, sinh năm 1955; Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- **Trung tâm đo đạc bản đồ thành phố Đà Nẵng (nay là Trung Tâm Kỹ thuật Tài nguyên – Môi trường thành phố Đà Nẵng).** Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có ông Nguyễn Văn Q tham gia tổ tụng theo Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2019 của ông Phan Minh T – Phó giám đốc phụ trách. Có mặt.

- **Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 Tp Đà Nẵng** (Nay là Trung tâm phát triển quỹ đất Tp Đà Nẵng). Địa chỉ: Tp. Đà Nẵng, do bà Trần Thị Việt H làm đại diện. Có mặt.

- **Ban giải phóng mặt bằng quận C thành phố Đà Nẵng.** Địa chỉ: quận C, thành phố Đà Nẵng do bà Lê Thị H làm đại diện. Có mặt.

- Ông **Trần Vũ N**, sinh năm 1953; Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông **Trần K T**, sinh năm 1977; Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà **Hồ N Thái H**, sinh năm 1980; Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà **Huỳnh Thị Mỹ K T**, sinh năm 1968; Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Huỳnh Thị Đ được thừa kế lô đất thuộc thửa đất số 987, tờ bản đồ số 5, diện tích 391m<sup>2</sup> tại địa chỉ tổ 30, phường H, quận C và được UBND huyện H cấp Giấy CNQSDĐ số E0156109 ngày 18.01.1995.

Ngày 03.6.2009, Đ lập Hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Biện Văn N (SN 1968, trú tại P.H, Q.C, TP Đà Nẵng), hợp đồng được công chứng tại UBND phường H. Sau khi ký hợp đồng ủy quyền, Đ nhận tiền và giao toàn bộ hồ sơ, GCNQSDĐ cho ông N. Ngày 26.8.2009, ông N chuyển nhượng lô đất cho bà Văn Thị V (trú Q.C, TP Đà Nẵng). Ngày 17.9.2009, bà V nộp hồ sơ và được UBND quận C cấp GCNQSDĐ số AM607991. Ngày 29.6.2010, bà V lập Hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng Phạm L - Nguyễn Thị N tại Văn phòng Công chứng P. Tuy nhiên tại thời điểm này thửa đất thuộc diện giải tỏa nên không làm thủ tục sang tên được, bà N cất GCNQSDĐ tên Văn Thị V.

Ngày 24.9.2010, UBND quận C ra Quyết định số 5033/QĐ-UBND về việc thu hồi thửa đất số 987, tờ bản đồ số 5 tại địa chỉ tổ 30, phường H, quận C,

giao đất cho Công ty quản lý và khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND TP Đà Nẵng.

Do Trung tâm đo đạc bản đồ TP Đà Nẵng (nay là Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên - Môi trường TP Đà Nẵng) cung cấp hồ sơ kỹ thuật thửa đất quy chủ nhằm cho chủ cũ là Huỳnh Thị Đ nên Công ty quản lý khai thác đất giao cho Ban giải toả đền bù các dự án đầu tư và xây dựng số 2 (gọi tắt là Ban 2) tiến hành kiểm định, xác định giá trị đền bù quy chủ cho bà Huỳnh Thị Đ đối với thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, toàn bộ hồ sơ kiểm định, đo đạc đều không có chủ sở hữu ký tên xác nhận.

Ngày 06.7.2011, Ban 2 gửi thông báo số 1113/BGTĐB “thông báo kết quả giải quyết kiến nghị bố trí tái định cư của hộ giải tỏa dự án Khu đô thị sinh thái H” với nội dung hộ Huỳnh Thị Đ, trú tại tổ 27, H, Q.C, TP Đà Nẵng, số hồ sơ 1069 được bố trí 01 lô đất đường 5,5m hộ chính khu E2 hoặc E2 Mr - khu dân cư Nam cầu C thay cho kết quả đã phê duyệt.

Ngày 12.9.2011, khi biết việc quy chủ đất sai, Trung tâm đo đạc bản đồ TP Đà Nẵng có Công văn số 1982/TTĐBĐ-GQKN gửi Ban 2 điều chỉnh chủ sở hữu thửa đất số 987, tờ bản đồ số 5 từ Huỳnh Thị Đ sang hộ vợ chồng bà Nguyễn Thị N. Sau khi tiếp nhận công văn này, Ban 2 không điều chỉnh thông tin người được bố trí đất tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị N theo quy định mà chỉ lưu hồ sơ.

Sau nhận được thông báo số 1113, Huỳnh Thị Đ biết rõ Ban 2 gửi nhằm vì lô đất đã được Đ chuyển nhượng cho người khác, không làm thủ tục để nhận đất tái định cư được, nhưng Đ vẫn bàn bạc thống nhất với Hồ Văn K tìm người làm thủ tục để nhận và bán lô đất tái định cư lấy tiền tiêu xài. K gặp Trần Phước L, nói cho L biết lô đất đã bán cho người khác nhưng Ban 2 vẫn gửi thông báo đến, nếu L làm được thủ tục ra phiếu đất để bán thì số tiền kiếm được sẽ chia đôi, Đ và L mỗi người một nửa.

Trần Phước L là người làm nghề môi giới bất động sản, biết rõ để nhận được Phiếu phân lô thì cần có Biên bản chi tiền đền bù và các giấy tờ liên quan; để có Biên bản chi tiền đền bù thì phải nộp bản gốc GCNQSDĐ của lô đất bị giải tỏa cho Ban 2. Do vậy, để có đủ thủ tục nhận đất tái định cư, L liên hệ nhờ người tên Đặng Văn T (trú 12 Cẩm Chánh 4, P.H, Q.C, TP Đà Nẵng) làm giả Biên bản chi tiền đền bù lần 1 (100%), số CT : 2392/ĐB-1 ngày 17.5.2011 (bản photo). Đối với Biên bản tiếp nhận mặt bằng, L trực tiếp liên hệ ông Trần Vũ T - cán bộ Ban 2 làm việc. Do lô đất trống, không có công trình xây dựng nên ông T

lập Biên bản tiếp nhận mặt bằng ngày 25.7.2011 và ký vào vị trí Tổ công tác, giao lại cho L. L photo đưa cho K ký thay Đ vào vị trí chủ hộ và bảo K mang đến UBND phường H xác nhận và lấy Quyết định thu hồi đất về giao lại cho L.

Ngày 28.7.2011, L mang toàn bộ hồ sơ nộp vào Ban 2 và được ông Trần Vũ N - nguyên Trưởng Ban bút phê duyệt bố trí cho chủ hộ Huỳnh Thị Đ lô đất tại địa chỉ số 901/5,5m/B2-27 khu E2 mở rộng thuộc Khu đô thị H, Q.C, TP Đà Nẵng. Trong cùng ngày, Ban 2 cấp Phiếu phân lô số 3855/PĐ-BGTĐB bố trí cho Huỳnh Thị Đ lô đất này.

Để bán được phiếu đất, L tiếp tục nhờ Đặng Văn T làm giả Biên bản chi tiền đền bù lần 1 (100%), số CT : 2392/ĐB-1 ngày 17.5.2011 (bản chính), đóng dấu vuông có nội dung “Ban giải tỏa đền bù các DADT XD số 2 ĐN đã chi tiền” của Ban 2 đóng vào, giả chữ ký của Kế toán Bùi Thị Hoài L và Kế toán trưởng Thái Thị Minh H, sau đó đưa Huỳnh Thị Đ ký vào vị trí chủ hộ. L mang Biên bản này đến Ban 2 và được ông Trương Thanh Tùng - Phó trưởng ban ký xác nhận.

Sau khi đầy đủ thủ tục cần thiết gồm : Phiếu bố trí đất số 3855, Biên bản chi tiền đền bù lần 1 (100%), số CT: 2392/ĐB-1 ngày 17.5.2011, Biên bản bàn giao mặt bằng, L cùng Đ, K thỏa thuận chuyển nhượng cho vợ chồng ông Từ D - Võ Thị Hồng A (trú TP Đà Nẵng) với giá 520.000.000 đồng. Số tiền này Đ và L chia đôi, mỗi người được hưởng 260.000.000 đồng.

Hiện ông D nộp hồ sơ vào Ban 2 để xin cấp GCNQSDĐ, nộp tiền sử dụng đất 80.000.000 đồng và được cấp GCNQSDĐ số BV 218201 ngày 01.8.2014. Đến ngày 29/5/2015, ông Từ D chuyển nhượng cho ông bà Nguyễn Thành H - Phạm Thị Lý theo Hợp đồng chuyển nhượng số 2619 tại VP công chứng P.

Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định Biên bản chi tiền đền bù lần 1 (100%), số CT : 8142/ĐB-1 ghi Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư - xây dựng số 2 Đà Nẵng cấp hồi 14:45 ngày 17.5.2011 cho ông bà Hồ Văn K - Huỳnh Thị Đ (ký hiệu A).

Theo kết luận giám định số 13/GĐ-TL ngày 24.01.2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP Đà Nẵng kết luận :

- Chữ ký mang tên Trương Thanh T dưới mục Thủ trưởng đơn vị trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Trương Thanh T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10, M25 và M26 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký và chữ viết Huỳnh Thị Đ dưới mục Chủ sở hữu trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký và chữ viết đứng tên Huỳnh Thị Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M11 đến M24 do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký mang tên Thái Thị Minh H dưới mục Kế toán trưởng trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Thái Thị Minh H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M11 đến M22 và M27 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Bùi Thị Hoài L dưới mục Kế toán trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Bùi Thị Hoài L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M11 đến M22 và M28 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư và xây dựng số 2 Đà Nẵng” dưới mục Thủ trưởng đơn vị trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn có nội dung “Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư và xây dựng số 2 Đà Nẵng” trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M22 do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu có nội dung “Ban giải tỏa đền bù các DADT XD số 2 ĐN đã chi tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu có nội dung “Ban giải tỏa đền bù các DADT XD số 2 ĐN đã chi tiền” trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M11 đến M22 không phải do cùng một con dấu đóng ra. (BL 45-104)

Cơ quan điều tra tiến hành giám định tờ Biên bản tiếp nhận mặt bằng ngày 25.7.2011 (ký hiệu A).

Theo Kết luận giám định số 97/GĐ-TL ngày 06.8.2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Đà Nẵng kết luận : Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Hồ Văn K trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Hồ Văn K trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 có phải do cùng một người ký ra hay không. Chữ viết mang tên Hồ Văn K trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Hồ Văn K trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết ra. (BL 105-114).

Sau khi vụ án được khởi tố, điều tra Trần Phước L nộp lại số tiền 200.000.000 đồng, Huỳnh Thị Đ và Hồ Văn K nộp lại số tiền 260.000.000 đồng khắc phục hậu quả.

***Với nội dung nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2019/HS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:***

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Phước L, Huỳnh Thị Đ và Hồ Văn K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Phước L.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Huỳnh Thị Đ.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hồ Văn K.

Xử phạt: **Trần Phước L 07 (bảy) năm tù**; Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 20/07/2018.

Xử phạt: **Huỳnh Thị Đ 05 (năm) năm tù**; Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: **Hồ Văn K 02 (hai) năm tù**; Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Trần Phước L, Huỳnh Thị Đ và Hồ Văn K phải bồi thường cho Nhà nước (đại diện là Ủy ban nhân dân Tp. Đà Nẵng) số tiền 520.000.000 đồng. Ghi nhận các bị cáo đã bồi thường xong, trong đó bị cáo Đ và K đã nộp 260.000.000 đồng, bị cáo L đã nộp 260.000.000 đồng.

Tuyên tiếp tục quy trừ số tiền 520.000.000 đồng mà các bị cáo và gia đình các bị cáo đã giao nộp, thể hiện: 60.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000610 ngày 25/11/2019 của Cục thi hành án dân sự Tp. Đà Nẵng; 185.000.000 đồng tại tài khoản số 3949.0.1054137.00000 của Cục thi hành án Tp. Đà Nẵng mở tại Kho bạc Nhà nước Tp. Đà Nẵng theo Quyết định số 102/QĐ-STC ngày 15/02/2019 của Sở Tài Chính Tp. Đà Nẵng về việc xử lý số tiền tạm giữ theo đề nghị của Công an Tp. Đà Nẵng; 75.000.000 đồng tại tài khoản số 3949.0.1054137.00000 của Cục thi hành án Tp. Đà Nẵng mở tại Kho bạc Nhà nước Tp. Đà Nẵng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 14/02/2019 và 200.000.000 đồng tại tài khoản số 3949.0.9041.00000 của Công an quận C, Tp. Đà Nẵng mở tại Kho bạc Nhà nước Tp. Đà Nẵng.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân Tp. Đà Nẵng chỉ đạo các Sở ban ngành có liên quan tiến hành rà soát, kiểm tra và có hình thức xử lý đối với các cán bộ có liên quan, có sai phạm tại UBND quận C, Trung tâm đo đạc bản đồ Tp. Đà Nẵng và Ban 2 theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu của hành vi vi phạm pháp luật hình sự “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng tiếp tục yêu cầu Cơ quan cảnh sát

điều tra Công an Tp. Đà Nẵng điều tra, làm rõ và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng tiếp tục yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Tp. Đà Nẵng điều tra, làm rõ hành vi “Làm giả con dấu hoặc tài liệu của cơ quan tổ chức hoặc tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức” của Trần Phước L, nếu có căn cứ cần xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quyết định kháng nghị số 05/2019/KN –HS –VC2. Đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra đối với Trần Phước L và Đặng Văn T về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” và các cán bộ có thẩm quyền thuộc Ban giải tòa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Ngày 04 tháng 12 năm 2019, các bị cáo Trần Phước L, Huỳnh Thị Đ, Hồ Văn K kháng cáo bản án, cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Viện kiểm sát rút một phần Kháng nghị đối với nội dung liên quan đến Đặng Văn T vì ông T đã chết.

Luật sư bào chữa cho bị cáo K đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo. Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm nhằm làm rõ vai trò của bị cáo Đ, vì theo Luật sư vai trò của bị cáo Đ là thứ yếu trong vụ án. Luật sư bào chữa cho bị cáo L cho rằng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức” đã hết và xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo L

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, ý kiến người bào chữa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:



[1] N thừa đất số 987, tờ bản đồ số 5, diện tích 391,1m<sup>2</sup> tại địa chỉ tổ 30, phường H, quận C là thuộc quyền sở hữu của Huỳnh Thị Đ đã được UBND huyện Hoà Vang cấp Giấy CNQSDĐ số E0156109 ngày 18/01/1995. Ngày 03/6/2009, Đ đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất trên cho ông Biện Văn N, ông N đã được UBND quận C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 22/06/2009. Ngày 26/8/2009, ông N đã chuyển nhượng lô đất này cho bà Văn Thị V. Ngày 17/9/2009, bà V đã được UBND quận C cấp GCNQSDĐ số AM607991. Ngày 29/6/2010, bà V lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho vợ chồng Phạm L - Nguyễn Thị N tại Văn phòng Công chứng P. Tuy nhiên, tại thời điểm này thửa đất thuộc diện giải toả nên không làm thủ tục sang tên được, nên bà N cất giữ GCNQSDĐ tên Văn Thị V.

Ngày 24/9/2010, UBND quận C ra Quyết định số 5033/QĐ-UBND về việc thu hồi thửa đất số 987, tờ bản đồ số 5 tại địa chỉ tổ 30, phường H, quận C, giao đất cho Công ty quản lý và khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND TP. Đà Nẵng.

[2] Mặc dù biết được quy chủ nhằm, không thuộc đối tượng được hưởng chính sách bố trí đất tái định cư nhưng các bị cáo L, Đ và K vẫn bàn bạc thống nhất thực hiện các hành vi, thủ đoạn gian dối đối với Ban 2 để được bố trí lô đất tái định cư, sau đó bán đi lấy tiền chia nhau sử dụng cá nhân.

Tại thời điểm bị chiếm đoạt, theo kết quả định giá tài sản xác định là 520.000.000 triệu đồng;

[3] Với hành vi và hậu quả nêu trên các bị cáo Trần Phước L, Huỳnh Thị Đ và Hồ Văn K bị Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Ngày 10 tháng 04 năm 2019, Tòa án nhân dân Tp. Đà Nẵng có Quyết định trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung một số vấn đề có liên quan trong vụ án. Ngày 28/06/2019, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng có Công văn số 288/VKS – P3 có nội dung: Giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản Cáo trạng số 01/2018/ CT-VKS-P3 ngày 14/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Trần Phước L, Huỳnh Thị Đ và Hồ Văn

K cùng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[4.2] Ngày 11 tháng 10 năm 2019, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Tp. Đà Nẵng tiếp tục có Quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung yêu cầu xem xét dấu hiệu của tội "Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức hoặc tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức" và xem xét dấu hiệu của tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" trong vụ án. Ngày 01 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng có Công văn số 489/VKS – P3 có nội dung: Giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản Cáo trạng số 01/2018/CT-VKS-P3 ngày 14/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Trần Phước L, Huỳnh Thị Đ và Hồ Văn K cùng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Từ những nội dung trên thấy rằng: Những vấn đề nêu trong kháng nghị là có cơ sở tuy nhiên những nội dung này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và trả hồ sơ điều tra bổ sung 02 lần. Thế nhưng cơ quan điều tra và truy tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố ban đầu, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung là có căn cứ đúng pháp luật. Đồng thời Bản án đã kiến nghị với Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có hình thức xử lý đối với cán bộ sai phạm, kiến nghị với Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tiếp tục yêu cầu Cơ quan điều tra làm rõ hành vi "làm giả con dấu hoặc tài liệu của cơ quan tổ chức" và hành vi thiếu trách nhiệm của một số cán bộ liên quan đến vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay qua xét hỏi và tranh luận không có chứng cứ nào mới cần được xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy; không cần thiết phải hủy án sơ thẩm để điều tra về hành vi làm giả con dấu của cơ quan tổ chức, và hành vi thiếu trách nhiệm như Kháng nghị đã nêu. Mà chỉ cần tiếp tục kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xét xử các bị cáo Trần Phước L 07 (bảy) năm tù, Huỳnh Thị Đ 05 (năm) năm tù; Hồ Văn K 02 (hai) năm tù theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đã xem xét và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào cần được xem xét, do vậy đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo không có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1/ Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo: Trần Phước L, Huỳnh Thị Đ; Hồ Văn K. Không chấp nhận kháng nghị số 05/2019/KN –HS –VC2 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2019/HS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Phước L.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Huỳnh Thị Đ.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hồ Văn K.

Xử phạt: **Trần Phước L 07 (bảy) năm tù**; Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 05/4/2018.

Xử phạt: **Huỳnh Thị Đ 05 (năm) năm tù**; Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: **Hồ Văn K 02 (hai) năm tù**; Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân Tp. Đà Nẵng chỉ đạo các Sở ban ngành có liên quan tiến hành rà soát, kiểm tra và có hình thức xử lý đối với các cán bộ có liên quan, có sai phạm tại UBND quận C, Trung tâm đo đạc bản đồ Tp. Đà Nẵng và Ban 2 theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu của hành vi vi phạm pháp luật hình sự “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng tiếp tục yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Tp. Đà Nẵng điều tra, làm rõ và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng tiếp tục yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Tp. Đà Nẵng điều tra, làm rõ hành vi “Làm giả con dấu hoặc tài liệu của cơ quan tổ chức hoặc tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức” của Trần Phước L, nếu có căn cứ cần xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

2/ Án phí: Bị cáo Trần Phước L, Huỳnh Thị Đ, Hồ Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

***Nơi nhận:***

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an TP. Đà Nẵng ;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Xuân Thành**